

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 591/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	24.136.152.549	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	59.428.916.683	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	83.565.069.232	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2022:	28.033.660.794	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	17.828.675.005	e = (b * 30%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	9.907.690.458	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.907.690.458	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	297.295.331	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	55.531.408.438	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 36% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	34.167.027.600	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	3.600	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	21.364.380.838	j = h - i

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 26/5/2023.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 03/7/2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 594/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: **Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán mức chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023 cụ thể như sau:

1. Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022:

a. Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 458.466.420 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 302.606.400 đồng

Tổng cộng: 761.072.820 đồng

Bằng chữ: *Bảy trăm sáu mươi một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi đồng.*

b. Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 385.828.536 đồng



+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, 12 tháng mức chi là: 60.522.000 đồng

01 người, 4 tháng mức chi là: 20.174.000 đồng

Tổng cộng: 466.524.536 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng.*

c. Thù ký công ty:

01 người, mức chi là: 75.651.600 đồng

Bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, sáu trăm đồng.*

* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thù ký Công ty: **1.303.248.956 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng.*

2. Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thù ký Công ty năm 2023:

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Hội đồng quản trị kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thù ký Công ty năm 2023, cụ thể:

a. Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 378.922.500 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 250.104.000 đồng

Tổng cộng: 629.026.500 đồng

Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm đồng.*

b. Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 318.887.280 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 50.020.800 đồng

Tổng cộng: 368.908.080 đồng

Bằng chữ: *Ba trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm lẻ tám ngàn, không trăm tám mươi đồng.*



c. Thư ký:

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 62.526.000 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng.*

* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.060.460.580 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, năm trăm tám mươi đồng.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2023

Số: 77/TTr-BKS



TỜ TRÌNH

Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Quyết định 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;

Căn cứ Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

1/ Đề xuất về tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
- Là Công ty có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm;
- Có kinh nghiệm đã từng kiểm toán cho các đơn vị cấp nước;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.

2/ Đề xuất về lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một

trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí nêu trên theo quy định pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.


**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Bá Bạch Thủy Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 592/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.



Phạm Hữu Sơn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 592/ITr-HĐQT ngày 06/4/2023)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch Quý năm 2023					Ghi chú	
				Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023	Cộng 2023		
I	SẢN XUẤT - KINH DOANH									
1	Nước ghi thu		21.974.595	5.295.037	5.563.741	5.871.177	5.288.589	22.018.544		
	+ M ³ nước ghi thu	m ³	19.738.225	4.757.391	4.995.467	5.261.215	4.763.628	19.777.701		
	+ M ³ nước cung cấp ĐMH	m ³	1.761.421	425.095	447.930	477.513	414.405	1.764.944		
	+ M3 Sơn Hải	m ³	474.949	112.551	120.344	132.448	110.556	475.899		
2	Doanh thu	tr đ	210.499	47.613	50.159	53.322	47.229	198.323		
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	171.724	40.908	43.543	46.407	41.210	172.068		
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	10.568	2.551	2.688	2.865	2.486	10.590		Tính giá 2
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	4.089	962	1.036	1.158	941	4.097		6.000 đ
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	7.058	1.250	1.250	1.250	1.250	5.000		CÔNG
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	265	50	50	50	50	200		CẤP
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	8.313	1.800	1.500	1.500	1.200	6.000		NHINI
	+ Doanh thu khác	tr đ	8.482	92	92	92	92	368		TP KHAN HAI
3	Chi phí									
3.1	Giá vốn hàng bán	tr đ	142.291	36.164	36.901	37.942	36.189	147.194		
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	116.125	30.187	30.952	32.060	30.321	123.520		
	+ Chi phí nhân công	tr đ	53.606	14.530	15.267	16.111	14.512	60.420		
		tr đ	24.480	6.279	6.279	6.280	6.280	25.118		

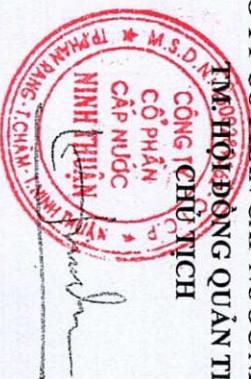
STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch Quý năm 2023				Cộng 2023	Ghi chú
				Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023		
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	4.037	1.231	1.231	1.231	1.231	4.924	
	+ Ăn ca	tr đ	2.183	589	589	589	589	2.356	
	+ Kinh phí CD	tr đ	389	100	100	100	100	400	
	+ Khấu hao TSCĐ	tr đ	26.655	6.277	6.245	6.439	6.429	25.390	
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	4.775	1.181	1.241	1.310	1.180	4.912	
3.2	Chi phí tài chính	tr đ	5.257	1.147	1.119	1.056	1.014	4.336	
3.3	Chi phí bán hàng	tr đ	5.269	1.443	1.443	1.443	1.443	5.770	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	1.253	375	375	375	375	1.500	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	2.993	800	800	800	800	3.200	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.024	268	268	268	268	1.070	
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr đ	12.854	3.297	3.297	3.293	3.321	13.208	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.762	566	566	567	567	2.266	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	275	73	73	74	74	294	
	+ Ăn ca	tr đ	52	13	13	13	13	52	
	+ Kinh phí CD	tr đ	27	7	7	7	7	28	
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	80	24	29	31	59	143	
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	720	133	128	120	120	501	
	+ Chi phí khác	tr đ	8.938	2.481	2.481	2.481	2.481	9.924	
3.5	Chi phí khác	tr đ	2.786	90	90	90	90	360	
4	Lợi nhuận trước thuế	tr đ	68.208	11.449	13.259	15.381	11.041	51.129	
5	Thuế TNDN	tr đ	8.779	1.473	1.706	1.980	1.421	6.580	
6	Lợi nhuận sau thuế	tr đ	59.429	9.976	11.553	13.401	9.620	44.549	

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch Quý năm 2023					Ghi chú	
				Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023	Cộng 2023		
II	TÀI CHÍNH									
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	238.953	198.406	229.636	239.255	239.255	239.255	239.255	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	58.640	58.640	76.469	76.469	76.469	76.469	76.469	
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	83.440	42.893	56.294	65.913	65.913	65.913	65.913	
3	Các khoản thuế, phí phải nộp	tr đ	22.629	4.382	5.096	4.580	4.580	4.580	19.120	
	<i>Trong đó:</i>	tr đ								
3.1	Các khoản nộp NSNN	tr đ	16.069	3.122	3.090	2.803	2.803	2.803	11.570	
	+ Thuế TNDN	tr đ	7.614	1.706	1.980	1.421	1.421	1.421	6.580	
	+ Thuế GTGT	tr đ	4.468	500	500	500	500	500	2.000	
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	38	9	10	9	9	9	36	
	+ Quyền khai thác nước NMN Tháp Chàm	tr đ	825	363	50	363	363	363	826	
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	19	19	-	-	-	-	19	
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	-	-	-	-	-	9	
	+ Phí BVMTEVN-TSH	tr đ	3.096	525	550	510	510	510	2.100	
3.2	Các khoản phí, dịch vụ khác	tr đ	6.560	1.940	2.007	1.778	1.778	1.778	7.550	
	+ Phí NTCN	tr đ	7	1	2	2	2	2	5	
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.133	289	305	276	276	276	1.145	
	+ Dịch vụ thoát nước	tr đ	5.420	1.650	1.700	1.500	1.500	1.500	6.400	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	63%	12%	14%	10%	10%	10%	47%	

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch Quý năm 2023				Tổng 2023	Chi chú
				Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023		
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	20.486	-	9.891	-	9.674	19.565	
III PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ									
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	24.136					21.365	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	59.429					44.549	
3	Quý đầu tư phát triển	tr đ	17.829					13.365	
4	Quý khen thưởng	tr đ	6.907					3.548	
5	Quý phúc lợi	tr đ	3.000					2.000	
6	Quý thưởng viên chức quản lý	tr đ	297					156	
7	Chi có tức	tr đ	34.167					18.982	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	21.365					27.862	



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
 T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 593/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;

Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2023.

(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Phạm Hữu Sơn

KẾ HOẠCH MUA SẮM VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2023
(Kèm theo Tờ trình số 593/TT- HĐQT ngày 06/4/2023)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2023	Kế hoạch năm 2023				Cộng năm 2023	Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
A	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 chuyển qua	đồng	12.764.118.275	46.266.712.235	10.304.343.729	10.024.576.127	2.000.000.000	25.078.398.279	47.407.318.135	
I	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m3/ngày lên 120.000 m3/ngày	đồng	2.737.036.111	9.383.970.227	-	9.383.970.227	-	-	9.383.970.227	
1	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m3/ngày lên 120.000 m3/ngày (Giai đoạn 1)	đồng	2.737.036.111	9.383.970.227	-	9.383.970.227	-	-	-	
1.1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	2.737.036.111	1.033.970.227	-	1.033.970.227	-	-	-	
1.2	Công trình trạm bơm nước; Đường ống công nghệ; Máy bơm Q=2.500 m3/h, H=25 mét; Cải tạo tủ điện, cáp điện và máng cáp	đồng		3.800.000.000	-	3.800.000.000	-	-	-	
1.3	Đường ống nước thô D700	đồng		4.550.000.000	-	4.550.000.000	-	-	-	
II	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển	đồng	10.027.082.164	29.204.617.008	4.126.218.729	-	-	25.078.398.279	29.204.617.008	
1.1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	2.678.809.716	2.321.190.284	2.321.190.284					
1.2	Đường ống truyền tải (từ nút giao 21/8 với H.150 đến Bể chứa trong trạm bơm tăng áp Phan Rang 2)	đồng	7.348.272.448	1.805.028.445	1.805.028.445					
1.3	San nền	đồng		1.799.759.796	-			1.799.759.796		
1.4	Sân đường	đồng		1.733.232.691	-			1.733.232.691		
1.5	Hàng rào	đồng		2.130.376.434	-			2.130.376.434		
1.6	Thoát nước	đồng		3.273.914.701	-			3.273.914.701		
1.7	Trạm biến áp và Đường dây trung thế	đồng		2.291.633.744	-			2.291.633.744		

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2023	Kế hoạch năm 2023				Tổng năm 2023	Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1.8	Bê chừa	đồng		13.627.155.341				13.627.155.341		
1.9	Điện chiếu sáng ngoài trời	đồng		222.325.572				222.325.572		
III	Lập dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m ³ /ngày đêm	đồng		500.000.000					500.000.000	
IV	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước	đồng		4.078.125.000					4.078.125.000	
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng		1.000.000.000					1.000.000.000	
1.1	Sơn sửa khối nhà làm việc, sơn sửa hàng rào NMN Tháp Chàm và sơn sửa hàng rào Trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng		580.000.000						
1.2	Cải tạo sân nền, thoát nước, sơn sửa hàng rào trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng		420.000.000						
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng		2.428.125.000					2.428.125.000	
2.1	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Dân	đồng		428.125.000						
2.2	Chống thấm nhà làm việc tại NMN Phước Dân	đồng		178.125.000						
2.3	Sửa chữa hoa viên NMN Phước Dân	đồng		250.000.000						
3	Nhà máy nước Tân Sơn	đồng		450.000.000					450.000.000	
3.2	Sơn sửa tường rào, đổ bê tông đường vào trạm bơm cấp I NMN Tân Sơn	đồng		450.000.000						
4	Sửa chữa, sơn, chống thấm Trạm giao dịch Ninh Hải	đồng		200.000.000					200.000.000	
V	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ			3.600.000.000					3.600.000.000	
1	Nhà máy nước Tháp Chàm			3.600.000.000					3.600.000.000	
1.1	Mua máy phát điện 600kVA tại Trạm I NMN Tháp Chàm	đồng		2.600.000.000						
1.2	Thay đồng hồ chấm hóa chất PAC	đồng		100.000.000						
1.3	Trang bị hệ thống đo độ đục online và cảm biến mức nước tại NMN Tháp Chàm	đồng		450.000.000						

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2023	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1.4	Mua bình rỗng chứa Clo dự phòng	đồng			300.000.000				
1.5	Lắp đặt hệ thống dây điện chờ từ tủ điện trạm I đến vị trí máy phát điện tại trạm I NMIN Tháp Chàm	đồng			150.000.000				
1.6	Lắp đặt Scada mạng lưới các khu vực Phan Rang - Tháp Chàm - Ninh Hải	đồng			640.605.900				
B	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023	đồng			1.050.000.000	7.956.225.150	23.145.856.168	800.000.000	32.952.081.318
I	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển	đồng	-	-	1.995.831.050	-	-	-	1.995.831.050
1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng			-	1.995.831.050			1.995.831.050
II	Dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m ³ /ngày đêm	đồng			-	-	20.875.856.168	-	20.875.856.168
III	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước	đồng			-	260.000.000	230.000.000	250.000.000	740.000.000
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			-	-	80.000.000	-	80.000.000
1.1	Thay tôn cụm lọc bề lọc số 1,2,3,4 khu xử lý 40.000 m ³ /ngày.đêm	đồng					80.000.000		
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng			-	-	-	250.000.000	250.000.000
2.1	Quét vôi tường rào Trạm giao dịch Cà Ná, Sơn sửa tường bong tróc nhà làm việc Trạm bơm Cà Ná	đồng						250.000.000	
3	Nhà máy nước Tân Sơn	đồng			-	260.000.000	-	-	260.000.000
3.	Sơn chống thấm khu vực nhà làm việc, nhà kho và khu vực Trạm bơm cấp II	đồng				260.000.000			
4	Cải tạo nhà kho thành phòng làm việc khối văn phòng công ty	đồng					150.000.000		150.000.000
IV	Dự phòng Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các Nhà máy nước	đồng			250.000.000	250.000.000	500.000.000		1.000.000.000

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch đầu tư chuyên tiếp qua năm 2023	Kế hoạch năm 2023				Tổng năm 2023	Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
V	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			-	4.650.394.100	490.000.000	-	5.140.394.100	
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			-	3.006.394.100	-	-	3.006.394.100	
1.1	Thay máy bơm số 3, trang bị khởi động mềm máy 3 truyền tải từ tầng áp Phan Rang đi tầng áp Đông Mỹ Hải	đồng			-	1.500.000.000	-	-		
1.2	Đầu bơm cho động cơ 132 KW trạm bơm tầng áp Phan Rang (SL,3đầu bơm)	đồng				1.365.000.000	-	-		
1.4	Lắp đặt Seada mạng lưới các khu vực Phan Rang - Tháp Chàm - Ninh Hải	đồng				141.394.100				Bổ sung vốn
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng			-	-	490.000.000	-	490.000.000	
2.1	Mua van giảm áp phục vụ công tác bảo dưỡng van giảm áp trên hệ thống cấp nước - NMN Phước Dân	đồng					490.000.000			
3	Mua đồng hồ đo lưu lượng cho các nhà máy nước	đồng			-	1.644.000.000	-	-	1.644.000.000	
3.1	Trang bị đồng hồ đo lưu lượng phục vụ công tác phân vùng tách mạng - NMN Tân Sơn	đồng				600.000.000				
3.2	Trang bị thay thế đồng hồ đo lưu lượng cũ khu vực Trà Giang Quảng Sơn	đồng				350.000.000				
3.3	Đồng hồ lưu lượng D300 Trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng				247.000.000				
3.4	Đồng hồ lưu lượng D300 Trạm bơm tầng áp Khánh Nhơn	đồng				247.000.000				
3.5	Đồng hồ lưu lượng D250 Nhà máy nước Phước Dân	đồng				200.000.000				
VI	Dự phòng sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			250.000.000	250.000.000	500.000.000		1.000.000.000	
VII	Mở rộng và cải tạo sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng			450.000.000	450.000.000	450.000.000		1.800.000.000	
1	Mở rộng tuyến ống các khu vực	đồng			200.000.000	200.000.000	200.000.000		800.000.000	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2023	Kế hoạch năm 2023				Cộng năm 2023	Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1.1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.	đồng			200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000		
2	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng		-	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	1.000.000.000	
2.1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.	đồng			250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000		
VIII	Dự phòng mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống các khu vực	đồng			100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	400.000.000	
	TỔNG CỘNG:	đồng	12.764.118.275	46.266.712.235	11.354.343.729	17.980.801.277	25.145.856.168	25.878.398.279	80.359.399.453	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

(Handwritten signature)

Phạm Hữu Sơn

Chú thích:

+ Tổng kinh phí thực hiện năm 2023:

Bao gồm:

- Kinh phí đầu tư chuyển tiếp qua năm 2023:

- Kinh phí thực hiện năm 2023:

80.359.399.453 đồng

47.407.318.135 đồng

32.952.081.318 đồng



đơn, ghi nhận doanh thu theo đơn giá 6.300 đồng/m³ cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới).

Do đó, để thực hiện đúng theo Bản án số 88/2022/KDTM-PT, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã điều chỉnh các chỉ tiêu tài chính liên quan đến việc điều chỉnh giá bán buôn cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải từ năm 2018 đến năm 2021.

Nay, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế từ năm 2018 đến năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Năm	Số đã phân phối	Số điều chỉnh	Chênh lệch
1	Quỹ đầu tư phát triển			
	2018	1.820.728.202	1.721.462.102	(99.266.100)
	2019	14.107.079.632	13.517.598.536	(589.481.096)
	2020	13.176.348.137	13.515.851.818	339.503.681
	2021	12.592.301.812	12.910.746.550	318.444.738
	Cộng	41.696.457.783	41.665.659.006	(30.798.777)
2	Quỹ khen thưởng người lao động			
	2018	4.800.000.000	4.800.000.000	-
	2019	5.907.710.815	5.514.723.418	(392.987.397)
	2020	6.858.664.404	7.062.366.612	203.702.208
	2021	5.577.788.845	5.832.544.635	254.755.790
	Cộng	23.144.164.064	23.209.634.665	65.470.601
3	Quỹ phúc lợi			
	2018	662.489.927	622.783.487	(39.706.440)
	2019	2.000.000.000	2.000.000.000	-
	2020	2.500.000.000	2.500.000.000	-
	2021	2.500.000.000	2.500.000.000	-
	Cộng	7.662.489.927	7.622.783.487	(39.706.440)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

(Đính kèm Bảng điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021).

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 595/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế từ năm 2018 đến năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Bản án số 88/2022/HDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước; hủy quyết định cá biệt;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 243/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2019;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 428/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2022;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thống nhất nội dung sau:

Từ tháng 7/2018 đến ngày 31/12/2022, Công ty đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải, ghi nhận trong báo cáo tài chính hàng năm khoản doanh thu tiền nước, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, trích dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi, đóng thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... và phân phối lợi nhuận sau thuế theo đơn giá tiền nước là 7.000 đồng/m³.

Nhưng theo kết quả xét xử của Bản án số 88/2022/KDTM-PT thì từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2019, Công ty thực hiện giá bán buôn cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 2.845 đồng/m³ (đã bao gồm VAT) theo Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ (trong trường hợp này, Công ty phải điều chỉnh giảm đơn giá tiền nước từ 7.000 đồng/m³ xuống còn 2.845 đồng/m³) và từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới Công ty thực hiện giá bán buôn theo giá có VAT là 6.300 đồng/m³ (trong trường hợp này, Công ty phải điều chỉnh giảm đơn giá tiền nước từ 7.000 đồng/m³ xuống còn 6.300 đồng/m³ từ ngày 1/10/2019 đến 31/12/2022 và từ 01/01/2023 xuất hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2018

(Kèm theo tờ trình số 595/TTr-HĐQT ngày 06/4/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	2.016.909.427			a
2	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	609.192.433			b
	Điều chỉnh tăng theo kết luận của Thanh tra tỉnh Ninh Thuận liên quan đến nguyên giá của 14 công trình do Công ty, đoàn thanh niên và các nhà máy thực hiện	1.852.821.706			Nghị quyết số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2020
	Điều chỉnh giảm theo kết luận của Thanh tra tỉnh Ninh Thuận liên quan đến thuế TNDN	(1.243.629.273)			Nghị quyết số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2020
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2018	2.626.101.860	2.626.101.860		c = a + b
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	36.414.564.048	36.712.219.531		d
5	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	297.655.483	(2.282.977.484)		e
	Điều chỉnh tăng theo biên bản làm việc của thanh tra Bộ Tài chính khoản liên quan đến phí BVMTĐVNTSH được để lại công ty	401.593.722			Nghị quyết số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2020
	Điều chỉnh giảm theo biên bản làm việc của thanh tra Bộ Tài chính liên quan đến thuế TNDN	(80.318.745)			Nghị quyết số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2020
	Điều chỉnh giảm liên quan đến thuế TNDN	(24.371.568)			Nghị quyết số 342/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2020
	Điều chỉnh tăng do giảm thuế TNDN phải nộp 2018	32.075			Nghị quyết số 428/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021
	Điều chỉnh tăng do điều chỉnh giảm chi phí các năm trước	800.000			Nghị quyết số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022
	Điều chỉnh giảm do tăng thuế TNDN phải nộp liên quan đến điều chỉnh chi phí các năm trước	(80.001)			Nghị quyết số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022
	Điều chỉnh giảm do giảm doanh thu nước năm 2018 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải		(2.537.731.543)		
	Điều chỉnh tăng do giảm thuế TNDN phải nộp 2018		254.754.059		
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 sau điều chỉnh	36.712.219.531	34.429.242.047	(2.282.977.484)	f = (d + e)

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
7	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	39.338.321.391	37.055.343.907	(2.282.977.484)	$g = (c + f)$
8	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2018	7.500.798.265	7.361.825.725	(138.972.540)	$h = i + j + k$
9	+ Quỹ đầu tư phát triển	1.820.728.202	1.721.462.102	(99.266.100)	i
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	5.462.489.927	5.422.783.487	(39.706.440)	j
	- Quỹ khen thưởng	4.800.000.000	4.800.000.000	-	
	- Quỹ phúc lợi	662.489.927	622.783.487	(39.706.440)	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	217.580.136	217.580.136	-	k
10	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	31.837.523.126	29.693.518.182	(2.144.004.944)	$l = g - h$
11	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 20% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	18.981.682.000	18.981.682.000	-	m
	Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	2.000	2.000		
12	Lợi nhuận chuyển sang năm 2019	12.855.841.126	10.711.836.182	(2.144.004.944)	$n = l - m$

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2019

(Kèm theo tờ trình số 595/TTr-HĐQT ngày 06/4/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	12.855.841.126	10.711.836.182		a
2	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	-	-		b
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2019	12.855.841.126	10.711.836.182		c = a + b
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2019	47.023.598.774	47.033.663.667		d
5	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	10.064.893	(1.975.001.880)		e
	Điều chỉnh tăng do điều chỉnh giảm chi phí các năm trước	11.200.000			Nghị quyết số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022
	Điều chỉnh giảm do tăng thuế TNDN phải nộp liên quan đến điều chỉnh chi phí các năm trước	(1.135.107)			Nghị quyết số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022
	Điều chỉnh giảm do giảm doanh thu nước năm 2019 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải		(4.584.226.343)		
	Điều chỉnh tăng do bổ sung doanh thu tài chính năm 2019		180.035.564		
	Điều chỉnh tăng do giảm dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi năm 2019		2.004.306.055		
	Điều chỉnh tăng do giảm thuế TNDN phải nộp 2019		424.882.844		
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 sau điều chỉnh	47.033.663.667	45.058.661.787	(1.975.001.880)	f = (d + e)
7	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	59.889.504.793	55.770.497.969	(4.119.006.824)	g = (c + f)
8	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2019	22.294.923.475	21.312.454.982	(982.468.493)	h = i + j + k
9	+ Quỹ đầu tư phát triển	14.107.079.632	13.517.598.536	(589.481.096)	i
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	7.907.710.815	7.514.723.418	(392.987.397)	j
	- Quỹ khen thưởng	5.907.710.815	5.514.723.418	(392.987.397)	
	- Quỹ phúc lợi	2.000.000.000	2.000.000.000	-	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	280.133.028	280.133.028	-	k
10	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	37.594.581.318	34.458.042.987	(3.136.538.331)	l = g - h
11	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	23.727.102.500	-	m
	Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	2.500	2.500		
12	Lợi nhuận chuyển sang năm 2020	13.867.478.818	10.730.940.487	(3.136.538.331)	n = l - m

STT	Chi tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
-----	----------	---------------	---------------	------------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2020

(Kèm theo tờ trình số 595/TTr-HĐQT ngày 06/4/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	13.867.478.818	10.730.940.487		a
2	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	-	-		b
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020	13.867.478.818	10.730.940.487		c = a + b
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	52.705.392.548	52.739.771.670		d
5	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	34.379.122	1.323.635.603		e
	Điều chỉnh tăng do điều chỉnh giảm chi phí các năm trước	37.025.800			Nghị quyết số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022
	Điều chỉnh giảm do tăng thuế TNDN phải nộp liên quan đến điều chỉnh chi phí các năm trước	(2.646.678)			Nghị quyết số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2022
	Điều chỉnh giảm do giảm doanh thu nước năm 2020 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải		(1.098.076.666)		
	Điều chỉnh tăng do bổ sung doanh thu tài chính năm 2020		720.142.256		
	Điều chỉnh tăng do giảm dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi năm 2020		1.815.219.962		
	Điều chỉnh giảm do bổ sung dự phòng khoản phải thu tiền lãi khó đòi năm 2020		(90.017.782)		
	Điều chỉnh giảm do bổ sung thuế TNDN phải nộp 2020		(23.632.167)		
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 sau điều chỉnh	52.739.771.670	54.063.407.273	1.323.635.603	f = (d + e)
7	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	66.607.250.488	64.794.347.760	(1.812.902.728)	g = (c + f)
8	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2020	22.783.791.700	23.326.997.589	543.205.889	h = i + j + k
9	+ Quỹ đầu tư phát triển	13.176.348.137	13.515.851.818	339.503.681	i
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	9.358.664.404	9.562.366.612	203.702.208	j
	- Quỹ khen thưởng	6.858.664.404	7.062.366.612	203.702.208	
	- Quỹ phúc lợi	2.500.000.000	2.500.000.000	-	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	248.779.159	248.779.159	-	k
10	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	43.823.458.788	41.467.350.171	(2.356.108.617)	l = g - h
11	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	23.727.102.500	-	m
	Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	2.500	2.500		
12	Lợi nhuận chuyển sang năm 2021	20.096.356.288	17.740.247.671	(2.356.108.617)	n = l - m

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
-----	----------	---------------	---------------	------------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2021

(Kèm theo tờ trình số 595/TTr-HĐQT ngày 06/4/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	20.096.356.288	17.740.247.671		a
2	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	-	-		b
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021	20.096.356.288	17.740.247.671		c = a + b
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	50.369.207.248	50.369.207.248		d
5	Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm)	-	1.273.778.950		e
	Điều chỉnh giảm do giảm doanh thu nước năm 2021 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải		(1.146.226.000)		
	Điều chỉnh tăng do bổ sung doanh thu tài chính năm 2021		660.130.401		
	Điều chỉnh tăng do giảm dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi năm 2021		2.173.380.187		
	Điều chỉnh giảm do bổ sung dự phòng khoản phải thu tiền lãi khó đòi năm 2021		(396.078.241)		
	Điều chỉnh giảm do bổ sung thuế TNDN phải nộp 2021		(17.427.397)		
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 sau điều chỉnh	50.369.207.248	51.642.986.198	1.273.778.950	f = (d + e)
7	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	70.465.563.536	69.383.233.869	(1.082.329.667)	g = (c + f)
8	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2021	20.946.778.292	21.519.978.820	573.200.528	h = i + j + k
9	+ Quỹ đầu tư phát triển	12.592.301.812	12.910.746.550	318.444.738	i
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	8.077.788.845	8.332.544.635	254.755.790	j
	- Quỹ khen thưởng	5.577.788.845	5.832.544.635	254.755.790	
	- Quỹ phúc lợi	2.500.000.000	2.500.000.000	-	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	276.687.635	276.687.635	-	k
10	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	49.518.785.244	47.863.255.049	(1.655.530.195)	l = g - h
11	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	23.727.102.500	-	m
	Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	2.500	2.500		
12	Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	25.791.682.744	24.136.152.549	(1.655.530.195)	n = l - m

STT	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
-----	----------	---------------	---------------	------------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn

Số: /2023/NQ-ĐHĐCĐ

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận ngày 27/4/2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 nhiệm kỳ III (2019-2024) (tài liệu đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (tài liệu đính kèm), với một số chỉ tiêu hoạt động chính như sau:

Một số chỉ tiêu hoạt động chính trong năm 2022:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2022/kế hoạch 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000	21.974.595	103,65%
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	191,263	210,499	110,06%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48,058	68,208	141,93%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42,196	59,429	140,84%



T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2022/kế hoạch 2022
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	223.499	238.953	106,91 %
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		366.348	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		24,87	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		16,22	

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2023
1	Nước ghi thu	m ³	22.018.544
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	198,323
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	186.755
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.368
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51,129
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.549
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	239.255

Điều 4. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 (tài liệu đính kèm).

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	24.136.152.549	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	59.428.916.683	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	83.565.069.232	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2022:	28.033.660.794	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	17.828.675.005	e = (b*30%)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	9.907.690.458	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.907.690.458	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	297.295.331	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	55.531.408.438	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 36% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	34.167.027.600	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	3.600	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	21.364.380.838	j = h - i

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 26/5/2023.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 03/7/2023.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023 (tài liệu đính kèm)

1. Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022:

a. Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 458.466.420 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 302.606.400 đồng

Tổng cộng: 761.072.820 đồng

Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi đồng.

b. Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 385.828.536 đồng

39362
IGTY
PHẦN
NƯỚC
I THỦ
I. CHẤM

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, 12 tháng mức chi là: 60.522.000 đồng

01 người, 4 tháng mức chi là: 20.174.000 đồng

Tổng cộng: 466.524.536 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng.*

c. Thư ký công ty:

01 người, mức chi là: 75.651.600 đồng

Bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, sáu trăm đồng.*

* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.303.248.956 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng.*

2. Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023:

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Hội đồng quản trị kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023, cụ thể:

a. Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 378.922.500 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 250.104.000 đồng

Tổng cộng: 629.026.500 đồng

Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm đồng.*

b. Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 318.887.280 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 50.020.800 đồng

Tổng cộng: 368.908.080 đồng

Bằng chữ: *Ba trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm lẻ tám ngàn, không trăm tám mươi đồng.*

c. Thù ký:

+ Thù lao Thù ký Công ty:

01 người, mức chi là: 62.526.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng.

* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thù ký Công ty: **1.060.460.580 đồng**

Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, năm trăm tám mươi đồng.

Điều 7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Điều 8. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Điều 9. Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Điều 10. Thông qua Tờ trình Điều chỉnh phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2018 – 2021 (tài liệu đính kèm).

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- CBTT Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Phạm Hữu Sơn